

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Quy định mức học phí năm học 2021 – 2022
của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH LONG

Căn cứ Quyết định số 1785/QĐ-LĐTĐTBXH ngày 21/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long;

Căn cứ Nghị định 86/2015/NĐ-CP, ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 – 2016 đến hết năm học 2020 – 2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTĐTBXH ngày 30/3/2016 về việc Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2020 – 2021;

Căn cứ Quyết nghị số 17/NQ-HĐT ngày 19/3/2021 của Hội đồng trường về việc thông qua mức thu học phí năm học 2021 – 2022 của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long;

Xét đề nghị của Ông Phụ trách Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành Quy định mức học phí năm học 2021 – 2022 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long (Có quy định kèm theo).
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ năm học 2021 – 2022 và thay thế các quy định trước đó liên quan đến vấn đề này.
- Điều 3.** Ông (Bà) trưởng các Phòng, Khoa, Trung tâm liên quan và sinh viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lao Hùng Phi

QUY ĐỊNH MỨC HỌC PHÍ NĂM HỌC 2021 – 2022 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VĨNH LONG

(Kèm theo Quyết định số: 119 /QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 08 tháng 6 năm 2021)

Trình độ đào tạo	Mức học phí năm học 2021 – 2022
I. Tiến sĩ	
- Nhóm ngành Công nghệ, kỹ thuật	25.000.000 đồng/năm học
II. Thạc sĩ	
- Nhóm ngành Công nghệ, kỹ thuật	700.000 đồng/tín chỉ
- Nhóm ngành kinh tế, quản lý, xã hội	560.000 đồng/tín chỉ
III. Liên kết đào tạo quốc tế	
1. Liên kết với trường Đại học Tongmyong - Hàn Quốc	
- Học tại trường Đại học SPKT Vĩnh Long	425.000 đồng/tín chỉ
- Học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh	Thu theo mục IX
- Học tại trường Đại học Tongmyong - Hàn Quốc	Dự kiến 2.553.000 won/học kỳ
2. Liên kết với Trung tâm Esuhai - Nhật	
- Học tiếng Nhật	19.200.000 đồng/toàn khóa
- Học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh	Thu theo mục IX
- Các học phần còn lại	425.000 đồng/tín chỉ
IV. Đại học chính quy	
1. Nhóm các ngành Sư phạm	
- Nhóm ngành kinh tế, quản lý, xã hội	0 đồng/tín chỉ
- Nhóm ngành Công nghệ, kỹ thuật	0 đồng/tín chỉ
2. Nhóm các ngành ngoài Sư phạm	
- Nhóm ngành kinh tế, quản lý, xã hội	300.000 đồng/tín chỉ
- Nhóm ngành Công nghệ, kỹ thuật	350.000 đồng/tín chỉ
V. Đại học vừa làm vừa học	
- Nhóm ngành kinh tế, quản lý, xã hội	440.000 đồng/tín chỉ
- Nhóm ngành Công nghệ, kỹ thuật	530.000 đồng/tín chỉ
VI. Cao đẳng chính quy	
- Nhóm ngành kinh tế, quản lý, xã hội	230.000 đồng/tín chỉ
- Nhóm ngành Công nghệ, kỹ thuật	270.000 đồng/tín chỉ



Trình độ đào tạo	Mức học phí năm học 2021 – 2022
VII. Cao đẳng (Đào tạo liên kết)	
- Nhóm ngành kinh tế, quản lý, xã hội	Theo hợp đồng của trường
- Nhóm ngành Công nghệ, kỹ thuật	Theo hợp đồng của trường
VIII. Trung cấp (Đào tạo liên kết)	
- Nhóm ngành kinh tế, quản lý, xã hội	Theo hợp đồng của trường
- Nhóm ngành Công nghệ, kỹ thuật	Theo hợp đồng của trường
IX. Học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh	
- Đại học	275.000 đồng/tín chỉ
- Cao đẳng	220.000 đồng/tín chỉ

Lưu ý:

- Cán bộ công viên chức, con cán bộ công viên chức và người lao động của Trường khi học tại Trường được tính theo quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm của Trường.

- Đối với trình độ đào tạo Tiến sĩ: mức học phí trên được áp dụng cho tất cả các năm học trong toàn khóa học

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. *Lao Hùng Phi*

